UBND HUYỆN BA TƠ
TRƯỜNG TH&THCS BA NGẠC
------**------**

KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025
Môn: Toán – Khối 7
Thời gian: 90 phút*(không tính thời gian phát đề)*

I. MA TRẬN HAI CHIỀU:

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	
Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ.	1/2 (0,5)			1 (0,25)	1/2 (0,5)	1 (0,25)			1	2	1,5
Các phép tính với số hữu tỉ			1 (1,0)	1 (0,25)	1 (1,0)	1 (0,25)	1 (1,0)		3	2	3,5
Căn bậc hai số học		1 (0,25)		1 (0,25)						2	0,5
Số vô tỉ. Số thực		4 (1,0)								4	1,0
Các góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc	1 (1,0)	2 (0,5)							1	2	1,5
Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về		1 (0,25)	1 (1,0)						1	1	1,25

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH

đường thẳng song song											
H Khái niệm định lí, chứng minh một định lí.ai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song		1 (0,25)								1	0,25
Tam giác. Tam giá bằng nhau.		1 (0,25)		1 (0,25)						2	0,5
Số câu	**1,5**	**10**	**2**	**4**	**1,5**	**2**	**1**		**6**	**16**	
Điểm số	**1,5**	**2,5**	**2,0**	**1,0**	**1,5**	**0,5**	**1,0**		**6,0**	**4,0**	
Tổng số điểm **Tỉ lệ %**	**4,0 điểm** **40%**		**3,0 điểm** **30%**		**2,0 điểm** **20%**		**1,0 điểm** **10%**		**10,0 điểm** **100%**		
Tỉ lệ chung	**70%**				**30%**						

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH
Được tải về từ hệ thống edoc.smas.edu.vn vào 23:48 20/12/2024
bởi Lê Thị Tố Uyên (qnl_thcs_bangac_touyen) - Trường TH & THCS Ba Ngạc

II. BẢNG ĐẶC TẢ:

TT	Chương/Chủ đề		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			ĐẠI SỐ				
1	**Số hữu tỉ**	Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ	**Nhận biết:** – Nhận biết được số hữu tỉ và lấy được ví dụ về số hữu tỉ. – Nhận biết được tập hợp các số hữu tỉ. – Nhận biết được số đối của một số hữu tỉ. – Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ. **Thông hiểu:** – Biểu diễn được số hữu tỉ trên trục số. **Vận dụng:** –So sánh được hai số hữu tỉ.	0,5 TL17a	1 TN3	1 TN1 0,5 TL17b	
		Các phép tính với số hữu tỉ	**Thông hiểu:** – Mô tả được phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và một số tính chất của phép tính đó (tích và thương của hai luỹ thừa cùng cơ số, luỹ thừa của luỹ thừa). – Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ. **Vận dụng:** – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số hữu tỉ trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn *(đơn giản, quen thuộc)* gắn với các phép tính về số hữu		2 TN4 TL19	2 TN2 TL18	1 TL22

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH

TT	Chương/Chủ đề		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			tỉ. (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, trong đo đạc,...). Vận dụng cao: – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với các phép tính về số hữu tỉ.				
2	**Số thực**	**Căn bậc hai số học**	**Nhận biết:** – Nhận biết được khái niệm căn bậc hai số học của một số không âm. **Thông hiểu:** – Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai số học của một số nguyên dương bằng máy tính cầm tay.	1 TN5	1 TN6		
		Số vô tỉ. Số thực	**Nhận biết:** – Nhận biết được số thập phân hữu hạn và số thập phân vô hạn tuần hoàn. – Nhận biết được số vô tỉ, số thực, tập hợp các số thực. – Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số thực. – Nhận biết được giá trị tuyệt đối của một số thực.	4 TN7,8,9,10			
Hình học							
3	**Các hình học cơ bản**	**Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc.**	**Nhận biết :** – Nhận biết được các góc ở vị trí đặc biệt (hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh). – Nhận biết được tia phân giác của một góc. – Nhận biết được cách vẽ tia phân giác của một góc bằng dụng cụ học tập	3 TN12,13 TL20			

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH

TT	Chương/Chủ đề		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song.	**Nhận biết:** – Nhận biết được tiên đề Euclid về đường thẳng song song. **Thông hiểu:** – Mô tả được một số tính chất của hai đường thẳng song song. – Mô tả được dấu hiệu song song của hai đường thẳng thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le trong.	1 TN14	1 TL21		
		Khái niệm định lí, chứng minh một định lí	**Nhận biết:** –Nhận biết được thế nào là một định lí. **Thông hiểu:** - Hiểu được phần chứng minh của một định lí. **Vận dụng:** – Chứng minh được một định lí.	1 TN15			
		Tam giác. Tam giác bằng nhau.	**Nhận biết:** –Nhận biết được liên hệ về độ dài của ba cạnh trong một tam giác. –Nhận biết được khái niệm hai tam giác bằng nhau. **Thông hiểu:** –Giải thích được định lí về tổng các góc trong một tam giác bằng 180^0. –Giải thích được trường hợp bằng nhau thứ nhất của hai tam giác.	1 TN16	1 TN11		
Tổng				10 (TN) 1,5 (TL)	4 (TN) 2 (TL)	2 (TN) 1,5 (TL)	1 (TL)

TT	Chương/Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
Tỉ lệ %			40%	30%	20%	10%
Tỉ lệ chung			70%		30%	

III.ĐỀ:

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH
Được tải về từ hệ thống edoc.smas.edu.vn lúc 23:48 29/12/2024
bởi Lê Thị Tố Uyên (qnl_thcs_bangac_touyen) – Trường TH & THCS Ba Ngạc

UBND HUYỆN BA TƠ
TRƯỜNG TH&THCS BA NGẠC
-------***-------

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I – NĂM HỌC: 2024 - 2025
MÔN: TOÁN- Khối 7
Thời gian: 90 phút (*không tính thời gian phát đề*)

Trường TH&THCS Ba Ngạc Ngày kiểm tra:……..... Họ và tên :…… ……..Lớp..……Buổi:.....		SBD:.....
Điểm	**Lời phê của giáo viên**	**Giáo viên chấm bài** *(Ký, ghi rõ họ tên)* **Phạm Thị Yến Nhi**

ĐỀ CHÍNH THỨC

Học sinh làm bài ngay trên tờ giấy này.

I. TRẮC NGHIỆM *(4,0 điểm)*

Hãy chọn phương án đúng nhất trong mỗi câu dưới đây.

Câu 1. Chọn câu trả lời **sai.**

A. $\frac{11}{47}<1$. B. $\frac{-57}{6}>\frac{50}{6}$. C. $-\frac{47}{11}<0$. D. $\frac{47}{11}>1$.

Câu 2. Kết quả của phép tính sau : $-\frac{7}{15}+\frac{8}{11}+\frac{7}{15}+\frac{3}{11}$

A. 0. B. $\frac{11}{8}$. C. $\frac{11}{15}$. D. 1.

Câu 3. Trong bốn điểm A, B, C, D trên trục số dưới đây có một điểm biểu diễn số hữu tỉ $\frac{-4}{3}$. Hãy xác định điểm đó.

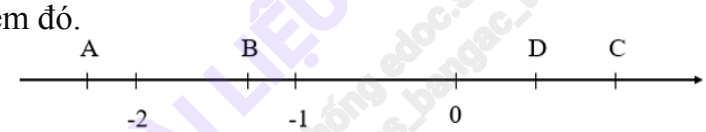

A. Điểm A. B. Điểm C. C. Điểm B. D. Điểm D.

Câu 4. Chọn phương án đúng.

A. $(-2022)^0=0$. B. $\left(\frac{1}{3}\right).\left(\frac{1}{3}\right).\left(\frac{1}{3}\right)=\left(\frac{1}{3}\right)^2$.

C. $\left(5^4\right)^2=5^6$. D. $(-5)^2.(-5)^3=(-5)^5$.

Câu 5. Căn bậc hai số học của 225 là:

A. 15 và (-15). B. 25. C. -15. D. 15.

Câu 6. Giá trị của biểu thức $A=\frac{\sqrt{81}}{3}-\sqrt{4}$ là

A. 3. B. -3. **C.** -1. **D.** 1.

Câu 7. Phân số nào viết được dưới dạng số thập phân vô hạn thuần hoàn?

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH
Được tải về từ hệ thống edoc.smas.edu.vn lúc 23:48 29/12/2024
Lời Lê Thị Tố Uyên (qln_thcs_bangac_touyen) – Trường TH & THCS Ba Ngạc

A. $\frac{15}{4}$. B. $\frac{11}{25}$. C. $\frac{13}{9}$. D. $\frac{11}{2}$.

Câu 8. Số $\sqrt{8}$ thuộc tập hợp số:

A. R. B. Z. C. Q. D. N.

Câu 9. Chọn đáp án đúng.

A. $\sqrt{4} > 3$. B. $-\sqrt{4} > -3$. C. $-\sqrt{4} < -3$. D. $\sqrt{3^2} < 3$.

Câu 10. Chọn đáp án đúng.

A. $|-1,5| = -1,5$. B. $|-1,5| = 1,5$.

C. $|-1,5| = \pm 1,5$. D. $|-1,5| < -1,5$.

Câu 11. Để tam giác ABM bằng ADM theo trường hợp cạnh-cạnh-cạnh thì thêm điều kiện nào sau đây?

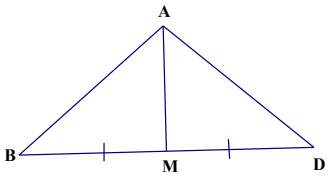

A. BM = AM. **B.** $\hat{B} = \hat{D}$. **C.** AB = AD. **D.** AD = MD.

Câu 12. Hai đường thẳng cắt nhau tại điểm O. Số cặp góc đối đỉnh (không kể góc bẹt) là

A. 2 cặp. **B.** 3 cặp. **C.** 4 cặp. **D.** 1 cặp.

Câu 13. Hai góc được đánh dấu trong hình nào dưới đây là hai góc kề bù?

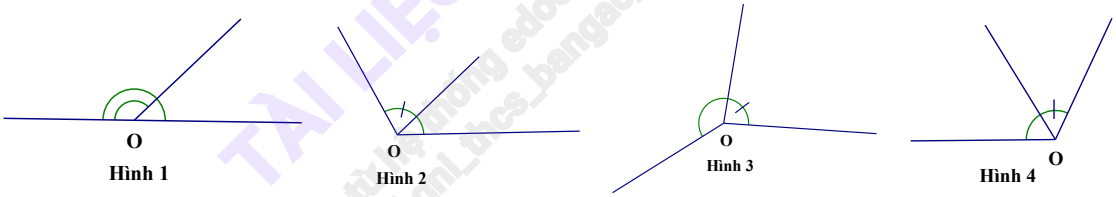

A. Hình 4. **B.** Hình 3. **C.** Hình 2. **D.** Hình 1.

Câu 14. Trong các khẳng định sau, khẳng định nào đúng?

A. Qua một điểm ở ngoài một đường thẳng, chỉ có một đường thẳng song song với đường thẳng đó.

B. Qua một điểm ở ngoài một đường thẳng, có vô số đường thẳng song song với đường thẳng đó.

C. Qua một điểm ở ngoài một đường thẳng, có hai đường thẳng song song với đường thẳng đó.

D. Qua một điểm ở ngoài một đường thẳng, có nhiều hơn một đường thẳng song song với đường thẳng đó.

Câu 15. Phát biểu nào sau đây là đúng?

A. Định lí là một suy luận được suy ra từ những lập luận được cho là đúng.

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH
Được tải về từ Cổng edoc.smas.edu.vn lúc 3:48 29/12/2024
bởi Lê Thị Tuyết (qhLthcs_bangac_touyen) – Trường TH & THCS Ba Ngạc

B. Định lí là một khẳng định được suy ra từ những khẳng định đúng đã biết.

C. Định lí là một lập luận được suy ra từ những khẳng định được cho là đúng.

D. Định lí là một giả thiết được suy ra từ những khẳng định được cho là đúng.

Câu 16. Cho $\Delta ABC = \Delta MNP$. Biết AB = 5 cm, MP = 7 cm và chu vi của tam giác ABC bằng 22cm. Độ dài cạnh NP bằng:

A.7cm. **B.** 10cm. **C.** 22cm. **D.** 27cm.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm).

Câu 17. (1,0 điểm)

a) Cho các số sau : $\frac{15}{23}$; $\frac{99}{0}$; -19; $\sqrt{7}$ số nào là số hữu tỉ và tìm số đối của số hữu tỉ đó.

b) So sánh hai số hữu tỉ sau : $\frac{-4}{15}$ và $\frac{-7}{45}$.

Câu 18. (1,0 điểm) Thực hiện phép tính (có thể tính bằng cách hợp lí).

a) $2\frac{3}{4}\cdot\frac{7}{13}+2\frac{3}{4}\cdot\frac{6}{13}$.

b) $\frac{7}{5}-\frac{9}{7}:\left(\frac{3}{2}\right)^2$.

Câu 19. (1,0 điểm)

a) Viết số $\left(\frac{1}{27}\right)^5$ dưới dạng lũy thừa cơ số $\frac{1}{3}$.

b) Tìm x biết : $x-\frac{5}{7}=\frac{-3}{4}$.

Câu 20. (1,0 điểm)

Cho hình vẽ sau (hình 1), nêu tên các cặp góc đối đỉnh (không là góc bẹt).

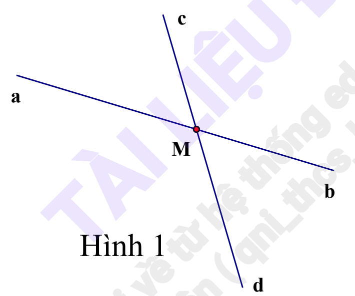

Hình 1

Câu 21. (1,0 điểm) Cho hình vẽ (hình2).

a) Chứng tỏ đường thẳng y//b.

b) Tính số đo góc DGH.

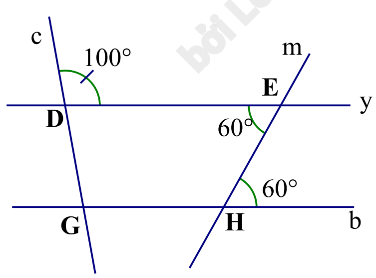

Hình 2

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH
Được tải về từ hệ thống edoc.smas.edu.vn lúc 23:48 29/12/2024 bởi Lê Thị Tố Uyên (qni_thcs_bangac_touyen) – Trường TH & THCS Ba Ngạc

Câu 22.(1,0 điểm) Giá niêm yết của một chiếc ti vi ở cửa hàng là 20 000 000 đồng. Cửa hàng giảm lần thứ nhất 5% giá niêm yết của chiếc ti vi đó. Để nhanh chóng bán hết số lượng ti vi, cửa hàng giảm thêm 2% của giá ti vi sau lần giảm thứ nhất. Hỏi khách hàng phải trả bao nhiêu tiền cho chiếc ti vi đó sau hai lần giảm giá?

...Hết...

BÀI LÀM

I. TRẮC NGHIỆM: (4,0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đáp án																

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm).

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH
Được tải về từ hệ thống edoc.smas.edu.vn lúc 23:18 29/12/2024
bởi Lê Thị Tố Uyên (qnL_thcs_bangoc_totuyen) – Trường TH & THCS Ba Ngạc

IV. ĐÁP ÁN - HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN:

Phần I. TRẮC NGHIỆM: ***(4,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm.***

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đ/án	B	C	D	D	D	D	C	A	B	B	C	A	D	A	B	B

Phần II. TỰ LUẬN: ***(6,0 điểm)***

Câu	Nội dung	Điểm
17a *(0,5đ)*	Số hữu tỉ là: $\frac{15}{23}$ và -19. Số đối của số hữu tỉ $\frac{15}{23}$ là $\frac{-15}{23}$; số đối của số hữu tỉ -9 là 9.	*0,25đ* *0,25đ*
17b *(0,5đ)*	Ta có: $\frac{-4}{15}=\frac{-12}{45}$ Vì $\frac{-12}{45}<\frac{-7}{45}$ nên $\frac{-4}{15}<\frac{-7}{45}$.	*0,25đ* *0,25đ*
18a (0,5đ)	$2\frac{3}{4}\cdot\frac{7}{13}+2\frac{3}{4}\cdot\frac{6}{13}$ $=2\frac{3}{4}\cdot\left(\frac{7}{13}+\frac{6}{13}\right)$ $=\frac{11}{4}\cdot 1=\frac{11}{4}$	*0,25đ* *0,25đ*
18b *(0,5đ)*	$\frac{7}{5}-\frac{9}{7}:\left(\frac{3}{2}\right)^2$ $=\frac{7}{5}-\frac{9}{7}:\frac{9}{4}$ $=\frac{7}{5}-\frac{4}{7}=\frac{29}{35}$	*0,25đ* *0,25đ*
19a *(0,5đ)*	$\left(\frac{1}{27}\right)^5=\left(\left(\frac{1}{3}\right)^3\right)^5=\left(\frac{1}{3}\right)^{15}$	*0,5đ*
19b *(0,5đ)*	$x-\frac{5}{7}=\frac{-3}{4}$ $x=\frac{-3}{4}+\frac{5}{7}$ $x=\frac{-1}{28}$	*0,25đ* *0,25 đ*

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH
Được số hóa từ hệ thống edoc.smas.edu.vn lúc 23:48 29/12/2024
bởi Lê Thị Tố Uyên (bangac_touyen) – Trường TH & THCS Ba Ngạc

20 *(1,0đ)*	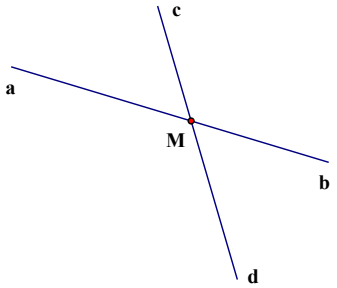 Cặp góc đối đỉnh: $c\widehat{M}a$ và $d\widehat{M}b$ $a\widehat{M}d$ và $b\widehat{M}c$	*0,5 đ* *0,25 đ* *0,25 đ*
21 *(1,0đ)*	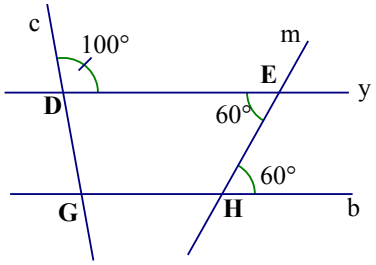 a) Ta có $D\widehat{E}H = E\widehat{H}b = 60^0$ Hai góc này ở vị trí so le trong. Do đó y//b (dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song). b) Ta có y//b, suy ra $c\widehat{D}E = D\widehat{G}H$ (hai góc đồng vị). Do đó: $D\widehat{G}H = 100^0$.	*0,25 đ* *0,25 đ* *0,25đ* *0,25đ*
22 *(1,0 đ)*	Sau lần giảm thứ nhất giá của chiếc tivi là: $20000000 - \frac{5}{100}.20000000 = 19000000$ (đồng). Sau lần giảm thứ hai giá của chiếc tivi là: $19000000 - \frac{2}{100}.19000000 = 18620000$ (đồng). Khách hàng phải trả 18620000 đồng cho chiếc tivi sau hai lần giảm giá.	*0,5 đ* *0,5 đ*

Chú ý: *Nếu HS đưa ra cách giải khác với đáp án nhưng lời giải đúng vẫn cho điểm tối đa.*

Duyệt của tổ chuyên môn

Ngô Hoàng Long

Ba Ngạc, ngày 27 tháng 10 năm 2024.

Giáo viên ra đề

Phạm Thị Yến Nhi

Duyệt của lãnh đạo trường

Nguyễn Đình Tâm

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH
Được tải về từ hệ thống edoc.smas.edu.vn lúc 23:48 29/12/2024 bởi Lê Thị Tố Uyên (tanLthcs_bangac_tuyen) - Trường TH & THCS Ba Ngạc

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH
Được tải về từ hệ thống edoc.smas.edu.vn lúc 23:48 29/12/2024
bởi Lê Thị Tố Uyên (qnL_thcs_bangac_touyen) – Trường TH & THCS Ba Ngạc